

CÔNG TY CỔ PHẦN SMT CHÂU Á
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SMT CHÂU Á

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SMT ASIA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SMT ASIA .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107722110

3. Ngày thành lập: 14/02/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 12A1 tiểu khu Ngọc Khánh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 043237406

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
2.	Tái chế phế liệu	3830
3.	Xây dựng nhà các loại	4100
4.	Phá dỡ	4311
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
11.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
12.	Hoạt động viễn thông khác (Chỉ hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định pháp luật)	6190
13.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
14.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
15.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
16.	Bốc xếp hàng hóa	5224
17.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
18.	Đóng tàu và cầu kiện nổi	3011
19.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

20.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
21.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chỉ hoạt động khi đủ điều kiện quy định pháp luật)	7110
23.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
24.	Cho thuê xe có động cơ	7710
25.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
26.	Khai thác quặng sắt	0710
27.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
28.	In ấn	1811
29.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (Chỉ hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định pháp luật).	2100
30.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
31.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
32.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
33.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
34.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
35.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
36.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
37.	Sản xuất xe có động cơ	2910
38.	Sản xuất thân xe có động cơ, rô moóc và bán rô moóc	2920
39.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
40.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
41.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
42.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
43.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
44.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
45.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
46.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
47.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
48.	Sản xuất giày dép	1520
49.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
50.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
51.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
52.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
53.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
54.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651

55.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
56.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
57.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
58.	Cổng thông tin (Không bao gồm: hoạt động thông tấn, báo chí). (Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc chỉ được kinh doanh những ngành nghề kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định pháp luật).	6312
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
60.	Hoạt động viễn thông có dây (Chỉ hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định pháp luật)	6110
61.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm: kinh doanh bất động sản và cho thuê kho bãi)	5210
62.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
63.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
64.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
65.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
66.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
67.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
68.	Bán mô tô, xe máy	4541
69.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
70.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
71.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
72.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
73.	Thu gom rác thải độc hại	3812
74.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
75.	Khai thác và thu gom than non	0520
76.	Khai thác dầu thô	0610
77.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
78.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ loại Nhà nước cấm)	0730
79.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
81.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
82.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
83.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420

84.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
85.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
86.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
87.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
88.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ	4210
89.	Xây dựng công trình công ích	4220
90.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
91.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312
92.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
93.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
94.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
95.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
96.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
97.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
98.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
99.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
100.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
101.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
102.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
103.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
104.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
105.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
106.	Hoạt động viễn thông không dây (Chỉ hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định pháp luật)	6120
107.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
108.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
109.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
110.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

111.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
112.	Lập trình máy vi tính	6201(Chính)
113.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
114.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
115.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
116.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
117.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
118.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
119.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
120.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
121.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
122.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
123.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐẶNG VĂN SƠN	Km9 thôn Vĩnh Thanh, Xã Vĩnh Ngọc, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	2.500.000.000	25,000	001085009065	
			Tổng số	25.000	2.500.000.000	25,000		
2	NGUYỄN THU NHUNG	Nhà số 3, ngõ 341, phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	51.000	5.100.000.000	51,000	N1432122	
			Tổng số	51.000	5.100.000.000	51,000		

3	NGUYỄN SỸ NAM	Số 22A, ngách 97/121 Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	24.000	2.400.000.000	24,000	012636520	
			Tổng số	24.000	2.400.000.000	24,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN SỸ NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/12/1962

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012636520

Ngày cấp: 14/11/2003

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 22A, ngách 97/121 Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 22A, ngách 97/121 Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội